

GIẢI PHÁP PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM MẪU GIÁO TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI

Nguyễn Bá Minh

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: nbminh@moet.gov.vn

Article history

Received: 25/6/2025

Accepted: 10/7/2025

Published: 05/10/2025

Keywords

Children, preschool children,
preschool education,
universal preschool
education

ABSTRACT

In recent times, preschool education has achieved many achievements, establishing fundamental development steps, ensuring the quality of nurturing, care, and education to comprehensively develop children in terms of physical, emotional, intellectual, and aesthetic aspects, forming the first elements of personality, and preparing children for first grade. However, there still exists various challenges in ensuring the right to access preschool education for all preschool children. Drawing on the analysis of the current situation of preschool education development, the achieved results, gaps, and barriers in the mechanisms, policies, and orientations and guidelines for preschool education development of the Party and the State in the coming time, the article proposes solutions to universalize preschool education for all children from 3 to 5 years old. These solutions will contribute significantly to the implementation of the guidance for preschool education development to 2030 with a vision to 2045.

1. Mở đầu

Luật Giáo dục quy định “*Giáo dục mầm non (GDMN) là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi*” (Quốc hội, 2019). Luật Trẻ em quy định “*Đảm bảo trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình*”; “*trong các quyền của trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và quyền được giáo dục, học tập*” (Quốc hội, 2016). Hiện đã có các bằng chứng khoa học khẳng định ảnh hưởng quyết định của chất lượng GDMN đối với sự phát triển của trẻ em (OECD, 2021).

Luật Giáo dục quy định “*Phổ cập giáo dục là quá trình tổ chức hoạt động giáo dục để mọi công dân trong độ tuổi, đều được học tập và đạt đến trình độ học thuật nhất định theo quy định của pháp luật*”, “*Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ em 05 tuổi*” (Quốc hội, 2019).

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về phát triển GDMN, đặc biệt là các chính sách quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 (Thủ tướng Chính phủ, 2010) và Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ (2020) quy định chính sách phát triển GDMN, trong những năm qua GDMN đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận: Mạng lưới các cơ sở GDMN phát triển rộng khắp, đến tất cả các xã, phường, thôn bản trên cả nước, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ tới trường; việc thực hiện thành công mục tiêu PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi đã tạo cơ chế, động lực thúc đẩy GDMN phát triển, từng bước đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ em. Việc đầu tư cơ sở vật chất trường lớp và đội ngũ CBQL, giáo viên mầm non (GVMN) ngày càng được quan tâm thể hiện sự cố gắng rất lớn của Chính phủ, của ngành Giáo dục cũng như các cấp, các ngành liên quan. Các chính sách của Chính phủ như: hỗ trợ tổ chức nấu ăn, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo vùng khó khăn, hỗ trợ GV dạy lớp ghép và tăng cường tiếng Việt, hỗ trợ trẻ mầm non là con em công nhân... đã góp phần không nhỏ để nâng cao chất lượng GDMN (Văn phòng Chính phủ, 2024). Tuy nhiên, GDMN vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức lớn như: Các điều kiện đảm bảo chất lượng GDMN còn hạn chế, chưa đảm bảo sự công bằng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ em (Lê Khánh Tuấn, 2021; Nguyễn Đình Tuấn, 2022) còn một số lượng khá lớn trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi (khoảng 300.000 trẻ, chủ yếu là trẻ em ở vùng khó khăn, trẻ em đối tượng yếu thế) chưa được đến trường lớp.

Trước thực tiễn phát triển GDMN, để thực hiện quyền trẻ em, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục, Trung ương Đảng đã có chủ trương thực hiện PCGDMN cho trẻ mẫu giáo, Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: “*Hoàn thành PCGDMN cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi*” (Ban Chấp hành Trung ương, 2023). Để triển khai chủ trương trên của Trung ương Đảng cần nghiên cứu đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi để thực hiện phổ cập đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Trong bài báo này, tác giả đã sử dụng phương pháp hồi cứu tài liệu của các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT); tổng hợp, đánh giá kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn của các tổ chức và cá nhân về các vấn đề liên quan; tổng hợp, phân tích các chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển GDMN qua hệ thống văn bản được ban hành và thông qua thực tiễn triển khai thực hiện.

2. Kết quả nghiên cứu

2.2. Cơ sở đề xuất các giải pháp

2.2.1. Kết quả phát triển giáo dục mầm non

a) Công tác thể chế hóa chủ trương, chính sách, phát triển GDMN

Từ năm 2010 đến nay, Quốc hội đã ban hành 2 Luật, Chính phủ ban hành 18 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 16 Quyết định, Bộ GD-ĐT ban hành 16 Thông tư liên quan trực tiếp đến GDMN nhằm thể chế hoá chính sách, cơ chế phát triển GDMN. Các cơ chế, chính sách phát triển GDMN trong các quy định pháp luật đã bao trùm các lĩnh vực đã tạo cơ sở pháp lý để quản lý GDMN, định hướng mục tiêu phát triển, bảo đảm các điều kiện, cơ chế chính sách để phát triển mạng lưới cơ sở GDMN; bổ sung cơ sở vật chất, phát triển và giải quyết khó khăn cho đội ngũ, nhằm từng bước mở rộng khả năng thu nhận và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN (Quốc hội, 2019; Chính phủ, 2020).

b) Tiếp cận GDMN có chất lượng

Việc thực hiện các cơ chế chính sách phát triển GDMN, đặc biệt là việc thực hiện Đề án PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi được phê duyệt theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ, các chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo quy định tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP tạo điều kiện để tăng cường việc huy động trẻ đến trường và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ: So với năm học 2010-2011, năm học 2023-2024, tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo tăng 11,0% (Bộ GD-ĐT, 2025); Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng được cải thiện: Chương trình GDMN được ban hành năm 2009, sửa đổi, bổ sung năm 2016 và năm 2020 có nhiều ưu điểm: là chương trình mang tính chất khung, tạo cơ hội để đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ; thể hiện được quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm “chơi mà học, học bằng chơi. Chương trình được triển khai thực hiện ở 100% cơ sở GDMN đã tác động tích cực đến chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ. So sánh với năm học 2010-2011, tỉ lệ trẻ học 2 buổi/ngày trên cả nước đã tăng 22,3 (Bộ GD-ĐT, 2025).

c) Mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất: Luật Giáo dục quy định “*Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tự thực đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao*” (Quốc hội, 2019); Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định “*Ưu tiên đầu tư kinh phí của Trung ương và địa phương từ các chương trình, dự án để xây dựng cơ sở GDMN công lập ở các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ*”; “*Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực GDMN được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng và các chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực GDMN được hưởng các chính sách đầu tư xây dựng cơ sở GDMN theo hình thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư*” (Chính phủ, 2020).

Những quy định nêu trên được Chính phủ và các địa phương quan tâm thực hiện, nhờ đó mạng lưới trường lớp mầm non được củng cố, mở rộng, đa dạng hoá về loại hình, mô hình và phân bố đến hầu hết các địa bàn dân cư xã, phường, thôn, bản, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ đến trường và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ. Các mô hình trường học chất lượng cao, trường học tiên tiến đã được triển khai tại một số thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. Tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tăng hằng năm, đạt 59,5% (tăng 40,6. (Bộ GD-ĐT, 2025). Cả nước hiện nay có 205.437 phòng học chung, trong đó phòng kiên cố đạt 85,1% (tăng 31,5%); phòng học tạm, mượn còn 3,4% (giảm 13.259 phòng/9,9%) (Bộ GD-ĐT, 2025).

d) Đội ngũ GVMN

- Chế độ chính sách đối với GVMN được bổ sung phù hợp với đặc thù của GDMN, đặc thù của các địa phương, đặc thù vùng, khu vực KT-XH đã góp phần quan trọng giúp cho đội ngũ GVMN ổn định thu nhập, cơ bản đảm bảo

cuộc sống, yên tâm công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ em mầm non, góp phần nâng cao chất lượng GDMN, thúc đẩy GDMN phát triển (Chính phủ, 2020).

- Các quy định về quản lý chuyên môn giáo dục, phát triển đội ngũ CBQL, GVMN: quy chuẩn về đội ngũ được ban hành bằng các văn bản đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở GDMN tại địa phương phát triển đội ngũ.

- Trong giai đoạn 2011-2024, đội ngũ GVMN đã tăng nhanh về số lượng, từng bước được nâng cao về chất lượng (tăng gần 200.000 GV); GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên đạt 91,0%, trong đó: trình độ đào tạo trên chuẩn là 67,6%; năng lực sư phạm của GVMN cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN (Bộ GD-ĐT, 2025).

đ) Đầu tư tài chính: Điều 96 Luật Giáo dục quy định: Nhà nước ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm ngân sách nhà nước (NSNN) chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi NSNN; Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục được phân bổ theo nguyên tắc công khai, dân chủ, căn cứ vào quy mô giáo dục, điều kiện phát triển KT-XH của từng vùng và bảo đảm để thực hiện phổ cập giáo dục, phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số (DTTS), vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên trong thực tế, ở giai đoạn 2011-2020 Nhà nước chỉ phân bổ được từ 17,4% đến 20,2% tổng ngân sách quốc gia cho giáo dục, trong đó duy nhất năm 2014 đạt 20,2% và tỉ lệ này đang có xu thế giảm dần (Bộ GD-ĐT, 2024b).

2.2.2. Hạn chế, khó khăn của giáo dục mầm non

a) Mạng lưới trường lớp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển GDMN

Công tác quy hoạch trường lớp còn có nhiều bất cập, hệ thống trường mầm non công lập hiện có không đủ sức thu nhận thêm trẻ, hệ thống trường ngoài công lập khó phát triển ở nơi có điều kiện KT-XH khó khăn; cơ sở mầm non độc lập còn hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất; ở địa bàn có khu công nghiệp và khu đông dân cư thiếu trường, lớp mầm non (Lê Khánh Tuấn, 2021; Nguyễn Đình Tuấn, 2022). Mạng lưới trường lớp chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ; tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3, 4 tuổi ở một số địa bàn thấp (vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, nơi có nhiều đồng bào DTTS) không đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục (Bộ GD-ĐT, 2024b).

b) Cơ sở vật chất, thiết bị còn khó khăn, hạn chế: Tỉ lệ phòng học kiên cố mới đạt 85,1%, còn gần 3000 phòng học tạm và học nhờ mượn; qua rà soát số phòng học bán kiên cố và tạm cần thay thế khoảng 20.085 phòng; đồ chơi ngoài trời, thiết bị dạy học tối thiểu trong lớp ở các trường mầm non cũng thường xuyên xuống cấp, hỏng hóc, thiếu hụt phải bổ sung thường xuyên (Bộ GD-ĐT, 2025).

c) Đội ngũ GV chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN: Chế độ lương và các thu nhập khác của GVMN chưa tương xứng với vị trí vai trò và tính chất nghề nghiệp của GVMN, tình trạng thiếu GV tồn tại nhiều năm chưa được khắc phục. Còn một bộ phận GV chậm đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDMN (Bộ GD-ĐT, 2024b).

d) Cơ chế, chính sách, nguồn lực đầu tư đã được quan tâm bổ sung, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển GDMN: Đầu tư cho phát triển GDMN chưa tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của cấp học mầm non trong hệ thống Giáo dục quốc dân; cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội đầu tư cho GDMN. Các chính sách còn những điểm chưa phù hợp với đặc thù của các vùng, miền; Chính sách phát triển đội ngũ bất cập, gây nên tình trạng thiếu GV kéo dài. Thiếu nguồn lực tài chính để đảm bảo thực hiện hiệu quả các chính sách về trẻ em và phát triển GDMN trên bình diện quốc gia, của ngành và tại các địa phương. Từ năm 2020, đến năm 2017 mức chi cho GDMN có tăng lên nhưng chi thường xuyên cho GDMN thấp hơn giáo dục tiểu học là 14%, thấp hơn giáo dục THCS là 6% (Bộ GD-ĐT, 2024b).

2.2.3. Cơ sở chính trị, pháp lý

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Ban Chấp hành Trung ương ban hành Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: “*Từng bước thực hiện PCGDMN cho trẻ em 3, 4 tuổi*”. Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: “*hoàn thành PCGDMN cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi*”. Luật Giáo dục quy định: “*Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi*”; Điều 23 quy định: “*GDMN là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam*” (Quốc hội, 2019); Luật Trẻ em quy định: “*Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện; Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục*” (Quốc hội, 2016).

2.3. Đề xuất các giải pháp thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo

2.3.1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách

a) Sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục, bổ sung quy định PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo; ban hành văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập;

b) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công theo hướng ưu tiên các dự án xây dựng cơ sở GDMN tại khu công nghiệp, khu đông dân cư, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn hoặc sử dụng một phần kinh phí trích từ nguồn kinh phí thu từ khu công nghiệp để tái đầu tư xây dựng trường, lớp mầm non chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức quản lý, điều hành hoạt động theo hình thức đối tác công tư;

c) Ban hành cơ chế tuyển dụng, hợp đồng GV cho các cơ sở GDMN theo hướng linh hoạt, chủ động để bố trí kịp thời đội ngũ GV dạy mẫu giáo. Rà soát, xây dựng và ban hành các chính sách cho đội ngũ GVMN để đảm bảo ổn định đời sống, giúp người lao động yên tâm công tác, gắn bó và cống hiến cho cấp học mầm non; Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với đội ngũ cấp học mầm non theo các quy định của Nhà nước.

2.3.2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các địa phương; đẩy mạnh truyền thông

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các địa phương trong việc phát triển GDMN, triển khai PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo, đưa mục tiêu đạt chuẩn phổ cập vào chương trình phát triển KT-XH của địa phương; xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch, chính sách của địa phương để hoàn thành mục tiêu phổ cập;

b) Chú trọng công tác phối hợp, đề cao trách nhiệm của các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các cơ sở GDMN và gia đình trong việc thực hiện mục tiêu, nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án phổ cập bảo đảm thực chất, hiệu quả;

c) Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của Chương trình PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội. Phát huy các sáng kiến của cộng đồng, động viên các bậc phụ huynh đưa trẻ đến trường, lớp để thực hiện Chương trình phổ cập.

2.3.3. Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

a) Xây dựng chương trình GDMN mới với mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức giáo dục đổi mới theo định hướng phát triển năng lực; tiếp cận quyền trẻ em, lấy trẻ em làm trung tâm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế;

b) Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp GDMN theo hướng coi trọng chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của trẻ em, chuẩn bị cho trẻ vào học lớp Một; Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ trên cơ sở ứng dụng môi trường số. Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục;

c) Thực hiện các giải pháp đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình GDMN; phát triển các điều kiện và hoạt động của trường mầm non theo các tiêu chí của trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm;

d) Xây dựng, nhân rộng và nâng cao chất lượng các mô hình nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục; tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non; nâng cao năng lực của cha mẹ trong việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

2.3.4. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non

a) Xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GVMN; đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GVMN đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN và nâng cao chất lượng PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi; quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ CBQL, GVMN làm việc tại cơ sở GDMN ngoài công lập.

b) Đổi mới công tác đào tạo GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN; thực hiện đào tạo theo địa chỉ, theo vùng miền để cân đối và khắc phục tình trạng thiếu GV; bảo đảm nguồn GV để tuyển dụng đối với vùng đồng bào DTTS miền núi, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển, hải đảo.

c) Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ số và đào tạo trực tuyến trong hoạt động giảng dạy và học tập, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực nghề nghiệp cho GV. Chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là bồi dưỡng các phương pháp thực hiện Chương trình GDMN.

d) Rà soát, tuyển dụng, bố trí đủ định mức số lượng GV lớp mẫu giáo theo quy định.

2.3.5. Bố trí, sắp xếp mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thực hiện phổ cập

a) Bố trí, sắp xếp mạng lưới trường, lớp theo hướng chuẩn hóa để thực hiện Chương trình PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo, dành quỹ đất xây dựng cơ sở GDMN phù hợp với thực tế địa phương, đáp ứng nhu cầu đưa trẻ em mẫu giáo đi học;

b) Ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng các cơ sở GDMN công lập ở các vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, các xã, huyện, thị trấn thuộc miền núi, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh các giải pháp phát triển trường lớp đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục con công nhân, người lao động ở khu vực có khu công nghiệp, khu đông dân cư;

c) Khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ các Chương trình, đề án đã được phê duyệt và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng đủ phòng học, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu và thực hiện Chương trình GDMN.

3. Kết luận

Chủ trương PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi được quy định trong các văn bản của Đảng và nhà nước, tuy nhiên GDMN còn gặp nhiều khó khăn cần giải quyết. Từ căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn tác giả đã đề xuất các giải pháp thực hiện phổ cập. Để các giải pháp phát huy hiệu quả trong thời gian tới chính phủ cần sớm ban hành các văn bản bổ sung cơ chế, chính sách phát triển GDMN đồng thời thực hiện phân cấp, phân quyền và có chế tài để các địa phương thực hiện các giải pháp được đề xuất. Việc bổ sung cơ chế chính sách phát triển GDMN cần có những nghiên cứu tiếp theo để tham mưu Chính phủ ban hành chính sách phù hợp với thực tiễn đổi mới hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2023). *Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*.
- Bộ GD-ĐT (2024a). *Đổi mới, phát triển giáo dục mầm non*. Báo cáo số 219/BC-BGDĐT ngày 04/3/2024 gửi Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia đổi mới GD-ĐT.
- Bộ GD-ĐT (2024b). *Báo cáo phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2024*. Tài liệu kèm theo Công văn số 7166/BGDĐT-GDMN ngày 11/11/2024 gửi Bộ Tư pháp.
- Bộ GD-ĐT (2025). *Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non hiện hành*. Tài liệu kèm theo Công văn số 2888/BGDĐT-GDMN ngày 06/06/2025 gửi Bộ Tư pháp.
- Chính phủ (2020). *Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non*.
- Lê Khánh Tuấn (2021). Phát triển cơ sở giáo dục mầm non ở các khu công nghiệp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 43, 49-54.
- Nguyễn Đình Tuấn (2022). Tiếp cận giáo dục mầm non của trẻ em trong gia đình lao động di cư làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh. *Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn*, 10(178), 41-53.
- OECD (2021). *Starting Strong VI*, 3-5.
- Quốc hội (2016). *Luật Trẻ em*. Luật số 102/2016/QH13, ban hành ngày 05/4/2016.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.
- Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015*.
- Văn phòng Chính phủ (2024). *Thông báo số 173/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại phiên họp của Ủy ban Quốc gia đổi mới GD-ĐT về đổi mới, phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.